TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11/01/2018
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lường Văn Quyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Viễn; bà Lò Thị Nhương.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Bùi Quang Hùng, cán bộ Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Sơn La.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên Tòa:*** Ông Trần Mạnh Hùng – Kiểm Sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện S xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 23/2017/TLST- HNGĐ, ngày 15 tháng 11 năm 2017. Về việc: Xin ly hôn, theo quyết định xét xử sơ thẩm số: 06/2017/QĐST - HNGĐ, ngày 28 tháng 12 năm 2017. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Quàng Văn N, sinh năm 1975. Trú tại: Bản Nà L, xã Chiềng S, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Quàng Thị P, sinh năm 1977. Trú tại: Bản Nà L, xã Chiềng S, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt có lý do.

Hiện đang chấp hành án tại K1 - Trại giam X, huyện T, thành Phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Quàng Văn N, sinh năm 1951; bà Quàng Thị T, sinh năm 1950 (bố mẹ đẻ anh N); các cháu Quàng Thị L, sinh năm 1995, Quàng Văn N, sinh năm 1998 (con anh N, chị P). Đều trú tại: Bản Nà L, xã Chiềng S, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án nguyên đơn anh Quàng Văn N trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Quàng Thị P kết hôn với nhau từ năm 1992, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng S. Sau khi kết hôn anh, chị ra ở riêng tại mảnh đất do bố mẹ anh chia cho tại bản Nà L, xã Chiềng S. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 13 năm, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do

tính tình không hợp. Đến năm 2005, do không làm chủ được bản thân nên anh đã vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án phạt tù 03 năm về tội Mua bán trái phép chất ma tuý. Trong thời gian anh thi hành án, chị Phương không chung thuỷ và đi với người đàn ông khác. Năm 2015, chị P bị bắt về tội Mua bán trái phép chất ma tuý và bị xét xử 07 năm tù. Hiện đang phải chấp hành án tại trại giam X, thành phố Hà Nội. Anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Quàng Thị L, sinh năm 1995 đã lấy chồng và có gia đình riêng; cháu Quàng Văn N, sinh năm 1998 đã lập gia đình và đang quản lý tài sản chung của vợ chồng anh.

Về tài sản chung: Anh chị có 01 ngôi nhà 4 gian, lợp ngói, vách đất, diện tích đất 400m^2; 01 mảnh đất trồng lúa 02 vụ diện tích 1000m^2; đất trồng cây lâu năm 1.500m^2; đất trồng cây hàng năm 3000m^2 do bố mẹ chia cho nằm trong giấy CNQSD đất mang tên bố mẹ anh là ông Quàng Văn N và bà Quàng Thị T. Đối với tài sản chung anh để lại hết cho con trai là Quàng Văn N quản lý sử dụng.

Về nợ chung: Hai vợ chồng không có nợ ai.

Tại Bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt chị Quàng Thị P trình bày:

Chị thừa nhận và nhất trí với ý kiến của anh N về con cái, tài sản và các vấn đề khác mà anh Nhẫn kê khai. Hiện nay, chị đang phải chấp hành án nên chị cũng nhất trí ly hôn; về tài sản chung chị cũng đồng ý để lại hết cho con trai là Quàng Văn N.

Tại phiên toà, anh Quàng Văn N vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Toà án giải quyết ly hôn.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như: Ông Quàng Văn N và bà Quàng Thị T đều xác nhận. Đất là của ông bà, nhưng đã chia cho vợ chồng anh N sử dụng, có giấy CNQSD đất mang tên ông bà. Nay hai vợ chồng ly hôn thì việc cho ai thừa kế đất và tài sản trên đất là quyền của anh N, chị P.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên toà, việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Xét thấy việc anh N, chị P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có giấy đăng ký tại UBND xã Chiềng S là hoàn toàn hợp pháp. Căn cứ Điều 51, 53, 54, 56 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Tòa án chấp nhận tuyên anh Quàng Văn N ly hôn chị Quàng Thị P.

- Về con chung: Không yêu cầu giải quyết do các con của anh chị đã đủ tuổi trưởng thành và lập gia đình riêng.

- Tài sản chung: Đề nghị Tòa án chấp nhận nguyện vọng của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án. Tuyên phần tài sản chung chia cho cháu Quàng Văn N quản lý, sử dụng.

- Về Án phí: áp dụng khoản 1 Điều 25, khoản 1 Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Anh Quàng Văn N và Chị Quàng Thị P có đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng S, huyện S là thực tế theo trích lục kết hôn số: 891 ngày 17 tháng 10 năm 2017 của UBND xã Chiềng S. Như vậy, căn cứ Điều 8, 9 luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn chị của anh N đối với chị P, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mẫu thuẫn giữa hai vợ chồng là quá trầm trọng và không thể hàn gắn được. Nguyên nhân do chị P không chung thuỷ, sự việc đã được hai bên gia đình nhiều lần khuyên bảo, nhưng vẫn không cải thiện được. Hơn nữa, hiện nay chị P đang phải chấp hành án và chị cũng đồng ý ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Quàng Văn N.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung đều đã trưởng thành. Tại phiên Toà cháu Quàng Thị L có ý kiến không yêu cầu Toà chia phần tài sản chung của bố mẹ, mà đề nghị để lại hết cho em là cháu Quàng Văn N.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phần tài sản chung Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Quàng Thị L đã có gia đình riêng và ở theo chồng; ông N, bà T cũng nhất trí với quan điểm của anh N và chị P. Xét ý kiến của của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện; cháu Quàng Văn N cũng đã lập gia đình, hiện đang quản lý tài sản chung của vợ chồng anh chị. Để đảm bảo khâu quản lý, bảo vệ cũng như thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với đất và các tài sản khác trên đất nên cần tiếp tục để cho cháu Quàng Văn N quản lý và sử dụng tài sản chung của vợ chồng anh N, chị P.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định chung.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, các Điều 55, 56 và 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu xin ly hôn của anh Quàng Văn N.
2. Xử cho anh Quàng Văn N được ly hôn với chị Quàng Thị P.

3. Về tài sản chung: Giao toàn bộ tài sản chung của anh N và chị P trong giấy CNQSD đất số: 206419 ngày 02/11/2010 của UBND huyện S mang tên ông Quàng Văn N và bà Quàng Thị T cho cháu Quàng Văn N quản lý, sử dụng và định đoạt. Gồm các tài sản sau đây:

- 01 ngôi nhà 4 gian, lợp ngói, vách đất, diện tích 300m^2;

- 01 mảnh đất trồng lúa 02 vụ diện tích 1000m^2;

- Đất trồng cây lâu năm 1.500m^2;

- Đất trồng cây hàng năm 3000m^2.

4. Về án phí: Anh Quàng Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 04408 ngày 15/11/2017, của Chi cục thi hành án dân sự huyện S.

Nguyên đơn; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án của Toà án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lường Văn Quyết

Nơi nhận:
- TA tỉnh;
- VKS huyện;
- Các đ- ơng sự;
- UBND xã Chiềng S;
- THADS;
- L- u HS;
- L- u VP;

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG MÃ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Sông Mã, ngày 11 tháng 01 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ
Với hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Quyết
Các hội thẩm nhân dân: Bà Lò Thị Nhương, ông Lò Văn Viễn.
Căn cứ vào điều 264 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vào hồi 16 giờ 30 phút, ngày 11 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã. Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án: Xin ly hôn, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Quàng Văn Nhẫn, sinh năm 1975. Trú tại: bản Nà Lốc, xã Chiềng Sơ, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên toà.

- *Bị đơn:* Chị Quàng Thị Phương, sinh năm 1977. Trú tại: bản Nà Lốc, xã Chiềng Sơ, huyện Sông Mã. Vắng mặt có lý do.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam K1, Trại giam Thanh Xuân, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, và những lời trình bày của người tham gia tố tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

I. Về quan hệ pháp luật: Xin ly hôn. Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

II. Về Điều luật áp dụng:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, các Điều 55, 56 và 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu xin ly hôn của anh Quàng Văn Nhẫn.

2. Xử cho anh Nhẫn được ly hôn với chị Quàng Thị Phương.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

3. Về tài sản chung: Giao toàn bộ tài sản chung của anh Nhẫn và chị Phương trong giấy CNQSD đất số: 206419 ngày 02/11/2010 của UBND huyện Sông Mã

mang tên ông Quàng Văn Nọi và bà Quàng Thị Tiên cho cháu Quàng Văn Nam quản lý, sử dụng và định đoạt. Gồm các tài sản sau đây:

- 01 ngôi nhà 4 gian, lợp ngói, vách đất, diện tích 3000m2;

- 01 mảnh đất trồng lúa 02 vụ diện tích 1000m2;

- Đất trồng cây lâu năm 1.500m2;

- Đất trồng cây hàng năm 3000m2.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

4. Về án phí: Anh Quàng Văn Nhẫn phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 04408 ngày 15/11/2017, của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Mã. Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Nguyên đơn; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án của Toà án.

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ Toạ PT** **Hội thẩm nhân dân**

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

***Nơi nhận*:**
- TAT
- VKS
- THADS
- Các đương sự
- Lưu Vp
- Lưu Hs

Tòng Thị Hồng